

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 10	+ Tạm ứng: Tạm ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày làm việc, trên cơ sở bên B xuất trình đủ các chứng từ sau: - Công văn đề nghị tạm ứng của nhà thầu - Bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện, không hủy ngang của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương. Hiệu lực của bảo đảm tạm ứng bằng thời gian thực hiện hợp đồng. (Ghi chú: Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhà thầu không có hồ sơ tạm ứng thì được hiểu rằng nhà thầu không cần tạm ứng) + Thanh toán: 70% giá trị hợp đồng (hoặc 90% giá trị hợp đồng trong trường hợp nhà thầu không tạm ứng) khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiệm thu theo qui định) + Tiền giữ lại: Bên A sẽ giữ lại 10% giá trị hợp đồng cho việc giám sát tác giả tư vấn thẩm tra. Khoản tiền này sẽ được thanh toán cho bên B khi có xác nhận quyết toán công trình hoàn thành của Chủ đầu tư và thanh lý hợp đồng. - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng. - Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, đủ chứng từ theo qui định: - Công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu - Hồ sơ tài liệu trong quá trình thực hiện - Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành. - Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm hoàn thành. - Biên bản nghiệm thu thanh toán. - Quyết định phê duyệt sản phẩm của cấp có thẩm quyền. - Hóa đơn
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và nhà thầu nhận đủ hồ sơ BCNCKT (không bao gồm thời gian, thẩm định và phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày làm việc (Kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh).
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư).
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng : “Áp dụng”

	a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,07% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá: 11.156.679 VND (<i>Tính bằng 12% giá gói thầu</i>). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu Quy định chi tiết: Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Tạm tính theo giá gói thầu là: 11.156.679 VND (<i>Tính bằng 12% giá gói thầu</i>) đồng. Nội dung này sẽ được xác định lại khi hoàn thiện ký kết hợp đồng là “Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm”. 2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”. Đối với gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán áp dụng hợp đồng trọn gói, Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của số lượng, khối lượng, giá trị và quy mô các hạng mục trong hồ sơ thiết kế sau thẩm tra. Trường hợp các thông tin này có sai lệch do lỗi của Nhà thầu, dẫn đến thiệt hại về người, tài sản, vật tư, thiết bị hoặc tài chính cho Chủ đầu tư hay bên thứ ba, ngoài việc bị xử phạt theo hợp đồng, Nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm pháp lý về cam kết của mình và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh. Việc bồi thường được thực hiện theo quy định của pháp luật. Mức đền bù: Trên cơ sở giá trị thiệt hại thực tế và theo thỏa thuận giữa hai bên.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B. Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa sai sót đó. - Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên B khi phát hiện Bên B lâm vào tình trạng phá sản mà không phải

	chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. - Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể thực hiện được dịch vụ. - Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng; Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo khoản 1 điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng. - Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ. Nhà thầu có thời hạn 7 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được toà án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.